TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58** /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/08/2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Kim Phượng**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Kim Tân**

2. Bà Hoàng Thị Thanh Hường

- ***Thư ký phiên tòa****:* **Bà Nguyễn Thị Kim Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: **Bà Nguyễn Thị Kim Huệ** - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc **"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con* "** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 07 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978 (có mặt).

*** Bị đơn: Anh Sú Sềnh C**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp Gia Ui, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền trình bày:*

Chị và anh Sú Sềnh C tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, trước đó anh chị chưa ai có vợ có chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C thiếu trách nhiệm với vợ con, thường xuyên ăn nhậu với bạn bè, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng gây gỗ và đánh đập nhau. Tình cảm vợ chồng ngày một rạng nứt, kéo

dài đến tháng 09/2019 chị H dọn ra ngoài sống, hai vợ chồng ly thân từ thời gian đó. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh C.

Vợ chồng chung sống có 04 con chung là cháu Sú Xê P, sinh ngày 04/06/2000, Sú Còn D, sinh ngày 19/3/2003, Sú Cón P, sinh ngày 10/06/2009 và Sú Say N, sinh ngày 04/02/2011. Hiện cháu Sú Xê P, sinh ngày 04/06/2000 đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hiện nay, các con Sú Còn D, Sú Cón P, Sú Say N đang sống cùng anh C. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao 03 cháu cho anh Sú Sềnh C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị Hiền không cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Sú Sềnh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 23/06/2020 tại địa phương cho biết: chị Nguyễn Thị H và anh Sú Sềnh C là vợ chồng và có 04 người con là Sú Xê P, sinh ngày 04/06/2000, Sú Còn D, sinh ngày 19/3/2003, Sú Cón P, sinh ngày 10/06/2009, Sú Say N, sinh ngày 04/02/2011, vợ chồng anh C và chị H hiện nay không sống chung với nhau, anh C sống cùng 04 người con.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

1/ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

-Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng quy định.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị H khởi kiện tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là: " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ky hôn với bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp Gia Ui, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh C, xác định chị H là nguyên đơn, anh C là bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ viện kiểm sát, tống đạt các văn bản tố tụng, xác minh, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX và thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định.

3/ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

4/ Về ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh C chung sống từ năm 2003 có đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2019 thường xuyên xảy ra mâu thuẩn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh C không chăm lo làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên ăn nhậu với bạn bè, anh Cẩm có quan hệ tình cảm với người đàn bà khác bên ngoài, dẫn đến vợ chồng gây gỗ và đánh đập nhau. Tình cảm vợ chồng ngày một rạng nứt, kéo dài đến 09/2019 chị H dọn ra ngoài sống, hai vợ chồng ly thân kể từ đó cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Về con chung: Chị H đồng ý giao 03 con chung là các cháu: cháu Sú Còn D, sinh ngày 19/3/2003, Sú Cón P, sinh ngày 10/06/2009, Sú Say N, sinh ngày 04/02/2011 cho anh C nuôi dưỡng. Xét thấy từ lúc vợ chồng ly thân cho đến nay các cháu do anh C nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết anh C không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến về việc ly hôn, anh cũng không tạo điều kiện để Tòa án lấy lời khai các cháu. Nay chi H đồng ý giao 03 con chung cho anh C nuôi dưỡng đến 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Hiền.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh C vắng mặt không có lời khai về tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai không có, anh Cẩm vắng mặt không có lời khai về nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Bởi các lẽ trên: Căn cứ các Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56,81,82,83,84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, chị Hiền được ly hôn với anh Sú Sềnh C.

Về con chung: giao cháu Sú Còn D, sinh ngày 19/3/2003, Sú Cón P, sinh ngày 10/06/2009, Sú Say N, sinh ngày 04/02/2011 cho anh Sú Sềnh C trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Nguyễn Thị H không cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

5/ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: anh Sú Sềnh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Sú Sềnh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Sú Sềnh Cẩm, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: **"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"**, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với anh Sú Sềnh C. Xét yêu cầu khởi kiện của chị H Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Sú Sềnh C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Lang Minh, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào 2003 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẩn giữa vợ chồng là do anh Cẩm thiếu sự quan tâm đối với gia đình, thường xuyên ăn nhậu với bạn bè, anh C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng gây gỗ và đánh đập nhau. Đến tháng 09/2019 chị H dọn ra ngoài sống riêng, vợ chồng ly thân từ đó, anh C cũng không gặp chị H để hàn gắn đoàn tụ.

Riêng anh C không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai và cung cấp chứng cứ theo quy định.

Xét cuộc hôn nhân giữa chị H và anh C tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Sú Sềnh C là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị H đồng ý giao 03 con chung là Sú Còn D, sinh ngày 19/3/2003, Sú Cón P, sinh ngày 10/06/2009, Sú Say N, sinh ngày 04/02/2011 cho anh Sú Sềnh C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy hiện 03 cháu Sú Còn D, Sú Cón P, Sú Say N đang do anh C nuôi dưỡng, hiện cuộc sống đã ổn định, nghĩ nên tiếp tục giao các cháu cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: chị H không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: chị H khai không có.

[7] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[8] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

***Vì các lẽ trên*,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khỏan 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Sú Sềnh C về việc "Ly hôn"**.** Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Sú Sềnh C.

2. Về con chung: Giao cháu Sú Còn D, sinh ngày 19/3/2003, Sú Cón P, sinh ngày 10/06/2009, Sú Say N, sinh ngày 04/02/2011 cho anh Sú Sềnh C trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị H được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, anh Sú Sềnh C và chị Nguyễn Thị H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0003355 ngày 02/12/2019 được tính trừ vào án phí.

Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Sú Sềnh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Lang Minh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Phượng